

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **772/2022/HS-PT**

Ngày: 19/10/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 373/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 tại H; nơi cư trú: Thôn H1, xã T, huyện V, thành phố H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị T1 (đã chết); Vợ Đào Thị Hải Y, con Nguyễn Thu T2, sinh ngày 14/10/2021; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 42/2014/HSPT ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 chuyển tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến ngày 04/12/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo S: Ông Dương Đức D; Luật sư Văn phòng Luật sư Đ1 – Chi nhánh Trần Duy H2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (ngày 17/10/2022).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2013, Nguyễn Văn S thành lập và đứng tên chủ doanh nghiệp Công ty TNHH thương mại và sản xuất Sunvinco Việt Nam (viết tắt là Công ty Sunvinco), Công ty Cổ phần tập đoàn Suvin Petrol (viết tắt là Công ty Suvin Petrol), Công ty TNHH Suvico Việt Nam (viết tắt là Công ty Suvico), Công ty TNHH Suvibaco (viết tắt là Công ty Suvibaco), Công ty Cổ phần Tập đoàn Suvinhaco Việt Nam (viết tắt là Công ty Suvihaco), Công ty Cổ phần thương mại Vạn Thành Phát (viết tắt là Công ty Vạn Thành Phát) để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) thu lợi bất chính. Trong đó, chỉ có Công ty Sunvinco là có trụ sở, biển hiệu, có phương tiện, máy móc, kho bãi liên quan đến hoạt động sản xuất bê tông, nguyên vật liệu xây dựng nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty này chỉ chiếm một phần rất nhỏ để che đậy hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, thu lợi bất chính. Đồng thời, S thành lập và thuê một số người đứng tên Giám đốc Công ty TNHH phát triển Phúc Tân (viết tắt là Công ty Phúc Tân), Công ty TNHH Đầu tư thương mại Đại An Phát (viết tắt là Công ty Đại An Phát), Công ty TNHH thương mại và vận tải Mai Loan (viết tắt là Công ty Mai Loan), Công ty TNHH Xuân Lệ Thành (viết tắt là Công ty Xuân Lệ Thành), Công ty TNHH An Đại Thành (viết tắt là Công ty An Đại Thành); Công ty TNHH thương mại phát triển Tân Phát Minh (viết tắt là Công ty Tân Phát Minh), Công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Thiên Phú Quý (viết tắt là Công ty Thiên Phú Quý), Công ty TNHH Nam Như Ngọc (viết tắt là Công ty Nam Như Ngọc), Công ty TNHH kinh doanh xuất nhập khẩu Thiên Khôi (viết tắt là Công ty Thiên Khôi) không có hoạt động sản xuất, kinh doanh để xuất hóa đơn đầu vào cho các Công ty S đứng tên giám đốc và bán trái phép hóa đơn cho các đối tượng có nhu cầu.

Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Văn S đã thuê địa điểm, tuyển nhân viên, phân công nhiệm vụ cho từng người để tham gia các phần việc có liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn. Cụ thể như sau: Đỗ Thị L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Q; Nguyễn Thị Kim O làm kế toán, có nhiệm vụ viết, đóng dấu và theo dõi công nợ trong hoạt động mua bán trái phép hóa đơn; Nguyễn Thanh T3 là kế toán thực hiện việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng

nhằm hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn; Bùi Việt A là kế toán, quản lý, cất giữ con dấu, hóa đơn, chứng từ ngân hàng, tìm kiếm khách hàng mua trái phép hóa đơn và Nguyễn Văn Đ2 trực tiếp gặp gỡ, giao dịch, thỏa thuận với một số công ty mua hóa đơn. Ngoài ra, S còn thuê một số nhân viên khác như Đỗ Thị H3, Nguyễn Huy V1, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị N, Lã Hải Y1, Ngô Phương A1... làm việc theo sự chỉ đạo của S.

Khi khách hàng cần mua hóa đơn, S thống nhất về giá cả với khách hàng, sau đó S chỉ đạo Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Kim O hoặc các kế toán khác của công ty liên lạc với khách có nhu cầu mua hóa đơn lấy thông tin để lập Hợp đồng, Biên bản bàn giao, số lượng, chủng loại hàng hóa, viết hóa đơn không, thực hiện việc chuyển tiền để hợp thức hóa việc mua bán. Chữ ký giám đốc trên các tờ hóa đơn, hợp đồng, chứng từ kèm theo tại các công ty do S làm giám đốc là do S trực tiếp ký hoặc S dùng dấu chữ ký khắc sẵn đóng lên. Một số công ty khác do Nguyễn Thị Q ký giả chữ ký giám đốc, khi Q nghỉ sinh con thì Nguyễn Thanh T3 làm thay phần việc của Q. Giá bán trái phép hóa đơn khoảng 03% tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn, các nhân viên khi giao hóa đơn sẽ thu tiền của khách hàng để nộp về cho S. Hàng tháng, S trả tiền công tham gia việc mua bán hóa đơn cho nhân viên theo hình thức lương, thưởng.

Theo quy định, các hóa đơn có doanh số trên 20.000.000 đồng phải thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Vì vậy, để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo, Nguyễn Văn S thỏa thuận với khách hàng về việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Nếu khách mua hóa đơn tự chuyển khoản thì S sẽ chỉ đạo kế toán viết, đóng dấu không Séc rút tiền trước rồi đưa lại cho khách mua hóa đơn. Nếu khách mua hóa đơn yêu cầu thì S chỉ đạo các nhân viên rút tiền rồi đem giao lại cho khách mua hóa đơn. Nếu phải tự chuyển khoản thì S chỉ đạo nhân viên ra ngân hàng nộp tiền vào tài khoản của khách hàng, nhân viên dùng Ủy nhiệm chi của khách mua hóa đơn (đã ký, đóng dấu không) để chuyển số tiền vừa nộp từ tài khoản của khách hàng về tài khoản của Công ty bán hóa đơn rồi dùng Séc rút tiền về, nộp lại cho S.

Để hợp thức hóa đầu vào cho 15 Công ty (ma) và che giấu hành vi bán trái phép hóa đơn, kê khai báo cáo thuế, Nguyễn Văn S chỉ đạo Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Q tự dùng các Công ty của S xuất hóa đơn cho nhau hoặc mua hóa đơn của đối tượng khác với giá 1,8% doanh số chưa thuế để cân đối doanh số mua vào hợp lý với doanh thu bán ra.

Khách mua trái phép hóa đơn của S thường là những người môi giới, trung gian mua hóa đơn để bán lại hưởng tiền chênh lệch trong đó có Nguyễn Mạnh H4 (sinh năm 1991, trú tại: Số 42B/422 T5, L2, H); Đỗ Hải (chưa rõ lai lịch), Vũ Lương Bích L3 (chưa rõ lai lịch); Nguyễn Vi S1 (sinh năm 1990; trú tại: Số 56 N1, A2, A3,

H, giám đốc Công ty Sơn Linh) và bán thông qua các nhân viên của S như Bùi Việt A, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Văn Đ2.

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 09/7/2020, khi Nguyễn Thị L1 đang giúp Nguyễn Văn S bán trái phép hóa đơn GTGT cho Vũ Lương Bích L3 thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ: 01 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Suvico xuất cho Công ty TNHH xây dựng Chấn Nam và số tiền 22.275.000 đồng L3 trả cho L1.

Công ty TNHH xây dựng Chấn Nam đã giao nộp thêm 06 số hóa đơn của Công ty Suvico Việt Nam và Công ty Suvico Việt Nam xuất cho Công ty Chấn Nam.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và làm việc của Nguyễn Văn S tại số 32, số 33 lô 11B L4; Tầng 7 số 7 Lô 2A L4, Đ3, H5, thành phố H; Trạm trộn bê tông tại Km3 đường P, phường A4, quận D1, thành phố H và cửa hàng tại Đường 351 H6, A3, thành phố H thu giữ: 20 cây CPU máy tính các loại (đã qua sử dụng); 08 dấu tròn của các Công ty Cổ phần tập đoàn Suvico Việt Nam; Công ty Cổ phần tập đoàn Suvico Petrol; Công ty Cổ phần tập đoàn Suhaco Việt Nam; Công ty Suvico Việt Nam; Công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Thiên Phú Quý; Công ty TNHH thương mại phát triển Tân Phát Minh; Công ty TNHH kinh doanh xuất nhập khẩu Thiên Khôi; Công ty TNHH thương mại và vận tải Mai Loan, 10 dấu chức danh, 01 dấu nội dung “Số 32 11B đường L4, P. Đ3, Q. H5, TP. H, VN”, 03 dấu chữ ký, 01 dấu bán hàng qua điện thoại, 05 USB; 01 laptop (đã qua sử dụng) và các quyển, tờ hóa đơn GTGT, các phiếu thu, phiếu xuất bê tông của Công ty Suvico, sổ ghi chép cùng các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

Khám xét nơi ở của Bùi Việt A tại địa chỉ số 52/225/292 L5, K, L2, thành phố H thu giữ: 21 tờ giấy ghi chép số liệu; 05 hóa đơn bán lẻ; 01 phiếu giao hàng; 01 biên bản xác nhận khối lượng thực hiện; 01 biên bản chốt khối lượng cát đen và cát thoát nước; 01 bảng kê thanh toán; 03 bảng chỉ tiêu phục vụ công trình; 06 bảng đối chiếu khối lượng; 17 biên bản nghiệm thu tàu; 01 bảng chỉ tiêu tiền công tác; 02 biên bản giao nhận; 01 bảng khối lượng bơm cát; 01 quyển phiếu chi.

Nguyễn Văn Đ2 giao nộp 01 điện thoại SamSung; Bùi Việt A giao nộp 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max; Nguyễn Thị Kim O giao nộp 01 điện thoại Iphone, màu hồng; Nguyễn Thị L1 giao nộp 02 điện thoại SamSung; Nguyễn Thị Q giao nộp 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max; 01 ổ cứng di động, tối màu, viền có màu cam tất cả đều đã qua sử dụng; Đỗ Thị H3 giao nộp 01 điện thoại Samsung J7Pro.

Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang bàn giao hồ sơ nguồn tin về tội phạm liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Văn S và vật chứng gồm: 01 dấu tròn của Công ty TNHH An Đại Thành; 01 dấu chức danh

giám đốc Nguyễn Thị T6; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, dạng gấp thu của S.

Ngày 11/7/2020 và ngày 21/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên một số hợp đồng, hóa đơn GTGT, chứng từ kế toán thu giữ được trong quá trình bắt giữ, khám xét khẩn cấp và các đối tượng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Kết quả giám định như sau:

Tại Kết luận giám định số 85 ngày 13/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận về 45 số hóa đơn của các Công ty do Nguyễn Văn S sử dụng để mua bán trái phép hóa đơn như sau: Chữ ký tại 30/45 số hóa đơn là của Nguyễn Văn S; Chữ viết tại 11/45 số hóa đơn là của Đỗ Thị L; Chữ viết tại 12/45 số hóa đơn là của Nguyễn Thị L1.

Tại Kết luận giám định số 132 ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Chữ viết tại 11 số hóa đơn của Công ty Tân Phát Minh do Nguyễn Văn S sử dụng để mua bán trái phép hóa đơn là của Nguyễn Thị Q.

Trên cơ sở điều tra, xác minh, vật chứng thu giữ và kết luận giám định, ngày 16/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị L1, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đỗ Thị L; ngày 30/7/2020, ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị Kim O; ngày 21/10/2020, ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn Đ2, Bùi Việt A, Nguyễn Thanh T3, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Thị Q;

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S khai nhận từ khoảng cuối năm 2013 đến ngày 09/7/2020, S đã thành lập 15 Công ty và chỉ đạo các nhân viên bán trái phép hóa đơn GTGT của 15 Công ty trên với giá khoảng 03% doanh số hàng hóa, dịch vụ không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT). Sau khi trừ các khoản thuế và các chi phí khác, S thu lợi bất chính khoảng 17 tỷ đồng tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, S còn khai: từ giữa năm 2019, Nguyễn Văn S bắt đầu xây dựng trạm trộn bê tông thuộc Công ty Suvinco tại tổ dân phố N2, phường A4, D1, thành phố H để sản xuất bê tông thương phẩm. Từ tháng 01 năm 2020 đến khi bị bắt, tổng số lượng bê tông Nguyễn Văn S đã xuất bán ra là 14.838,1m³, số tiền thu được là 12.474.369.274 đồng. Khách mua bê tông của S đa số là người dân xây dựng công trình nhỏ lẻ, hoặc một số tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố H do muốn mua bê tông với giá rẻ nên không lấy hóa đơn.

Kiểm tra dữ liệu máy tính nhãn hiệu Xigmatek thu giữ trong quá trình khám xét trạm trộn bê tông, trên máy tính có cài phần mềm và sử dụng để lưu trữ, quản lý việc bán bê tông tại trạm trộn bê tông của Công ty Suvinco từ tháng 1/2020 đến tháng 7/2020. Cơ quan điều tra đã thu thập được đầy đủ danh sách khách mua, khối lượng bê tông đã xuất, số tiền thu được từ việc bán bê tông ... Đã in và tiến hành cho các đối tượng liên quan ký xác nhận.

Tại Kết luận giám định ngày 31/12/2020 của Cục thuế thành phố H kết luận: Số thuế giá trị gia tăng bị thất thu cho ngân sách Nhà nước do hành vi sử dụng Công ty Suvinco Việt Nam để bán 14.838,1m³ bê tông của Nguyễn Văn S là 1.247.436.927 đồng. Sau khi có kết luận giám định, Nguyễn Văn S khai đã xuất hóa đơn GTGT bán bê tông cho 12 công ty gồm: Công ty TNHH Tùng Dương, Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Nguyễn Sang, Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Hải Thành, Công ty Cổ phần Trường Sinh, Công ty TNHH Vina Quang Minh, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng bất động sản P&T Land, Công ty Hải Long, Công ty TNHH thương mại đầu tư Lộc Phong, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xây dựng Xspace, Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Khang Minh, Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế Đông Á và Công ty 237 Đ3. Tuy nhiên, xác minh tại các doanh nghiệp trên chỉ có Công ty TNHH Tùng Dương, Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Nguyễn Sang được xuất hóa đơn GTGT mua bê tông với tổng số tiền thuế GTGT trên hóa đơn của 02 công ty là 15.061.067 đồng. Số còn lại Nguyễn Văn S không đưa vào doanh thu bán ra để kê khai báo cáo thuế, không xuất hóa đơn khi bán bê tông. Như vậy, số tiền Nguyễn Văn S trốn thuế là **1.232.375.860 đồng** (tức là 1.247.436.927 đồng - 15.061.067 đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành xác minh tại địa chỉ theo Đăng ký kinh doanh của 14/15 Công ty mà S thành lập để sử dụng vào hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Tại các địa chỉ trên đăng ký trụ sở Công ty khẳng định không cho ai thuê nhà, thuê văn phòng, thuê đặt biển hiệu Công ty và không có bất kỳ hoạt động gì, không treo biển hiệu, không có văn phòng, không hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính quyền địa phương xác nhận tại địa điểm đăng ký trụ sở của 14/15 Công ty (ma) trên đều không đặt biển hiệu, không có văn phòng, kho bãi, hàng hóa, không có hoạt động sản xuất, kinh doanh gì.

Đối với Công ty Suvinco Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại số 32 Lô 11B L4, Đ3, H5, thành phố H, có văn phòng làm việc, có cây xăng dầu bán lẻ và cửa hàng sắt thép.

Xác minh tại Cục thuế thành phố H; Chi cục thuế khu vực N3 - H5; Chi cục thuế khu vực H7 - A3, xác định:

1. Công ty Suvinco đã sử dụng 5.314 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào: 2.036.255.543.003 đồng. Tổng doanh số bán ra: 2.045.039.455.916 đồng. Tổng số thuế đã nộp là 1.689.338.585 đồng.

2. Công ty Suvin Petrol đã sử dụng 03 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là: 553.726.722 đồng. Tổng doanh số bán ra 441.310.393 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp là 4.001.800 đồng.

3. Công ty Suvico đã sử dụng 115 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là: 32.979.128.345 đồng. Tổng doanh số bán ra là: 32.850.302.552 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp: 62.695.627 đồng.

4. Công ty Phúc Tân đã sử dụng 1.512 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 613.321.545.489 đồng. Tổng doanh số bán ra là 614.657.526.473 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 388.653.805 đồng.

5. Công ty Đại An Phát đã sử dụng 242 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 44.710.238.606 đồng. Tổng doanh số bán ra là 44.973.884.746 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 90.566.046 đồng.

6. Công ty Mai Loan đã sử dụng 652 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào 193.324.073.951 đồng. Tổng doanh số bán ra là 193.808.399.727 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 106.831.256 đồng.

7. Công ty Xuân Lệ Thành đã sử dụng 233 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là: 106.016.076.213 đồng. Tổng doanh số bán ra là: 106.219.608.591 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 68.322.802 đồng.

8. Công ty An Đại Thành đã sử dụng 2.312 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 1.063.887.902.482 đồng. Tổng doanh số bán ra là 1.065.896.612.239 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 560.411.625 đồng.

9. Công ty Tân Phát Minh đã sử dụng 1.700 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 756.479.589.223 đồng. Tổng doanh số bán ra là: 760.731.992.955 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp: 498.998.794 đồng.

10. Công ty Thiên Phú Quý đã sử dụng 1.154 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 575.794.517.003 đồng. Tổng doanh số bán ra là: 578.423.202.931 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp: 273.215.143 đồng.

11. Công ty Nam Như Ngọc chưa phát sinh doanh thu. Tiền thuế đã nộp là: 3.000.000 đồng.

12. Công ty Thiên Khôi đã sử dụng 250 số hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 325.732.232.379 đồng. Tổng doanh số bán ra là 327.128.192.573 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp: 153.112.785 đồng.

13. Công ty Suvibaco đã sử dụng 12 sổ hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là: 16.596.281.331 đồng. Tổng doanh số bán ra là 16.590.516.380 đồng. Tổng tiền thuế đã nộp: 33.343.818 đồng.

14. Công ty Vạn Thành Phát chưa phát sinh doanh thu. Đã nộp thuế là 1.500.000 đồng.

15. Công ty Suvinhaco đã sử dụng 12 sổ hóa đơn. Tổng doanh số mua vào là 1.558.309.267 đồng. Tổng doanh số bán ra là 1.676.137.870 đồng. Tổng số thuế đã nộp: 22.777.848 đồng.

Xác minh tại các Công ty in kết quả: 15 Công ty nêu trên đã được các Cơ quan thuế ra Thông báo cho phép doanh nghiệp tự đặt in hóa đơn và phát hành. Các Công ty này đã đặt in mới 33.900 sổ. Tổng chi phí in hóa đơn là 88.899.000 đồng.

Như vậy, tổng số hóa đơn GTGT S và đồng phạm đã bán trái phép là 13.511 sổ hóa đơn. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của các Công ty do S sử dụng là 5.767.299.164.014 đồng; Tổng doanh thu bán ra của các Công ty do S sử dụng là 5.788.437.143.346 đồng. Kết quả điều tra xác định S tự sử dụng các Công ty của mình để xuất hóa đơn hợp thức hóa đầu vào cho nhau với tổng doanh số là 783.690.588.877 đồng nên thực tế giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào còn là 4.983.608.575.137 đồng, doanh thu bán ra còn là 5.004.746.554.469 đồng. S thu được 150.142.396.634 đồng từ việc bán hóa đơn trái phép (tương đương 03% tiền hàng hóa không chưa tính thuế). S đã chi tổng số tiền là: 94.388.123.286 đồng gồm: Tiền nộp thuế cho Nhà nước là 3.956.769.934 đồng; tiền mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào (tương đương 1,8% doanh số) là 89.704.954.352 đồng; chi tiền in hóa đơn là 88.899.000 đồng; trả lương các cho bị can: Nguyễn Thị L1 90.000.000 đồng, Đỗ Thị L 76.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim O 51.500.000 đồng, Nguyễn Văn Đ2 106.000.000 đồng, Nguyễn Thanh T3 80.000.000 đồng, Nguyễn Thị Q 234.000.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Văn S thu lợi bất chính là 55.754.273.348 đồng.

Ngoài ra, S còn khai đã chi lương cho các nhân viên khác (trong thời gian khoảng 72 tháng, trung bình mỗi người nhận 8.000.000 đồng/01 tháng); chi tiền thuê Giám đốc, mua công ty 500.000.000 đồng; chi tiền thuê các trụ sở 2.000.000.000 đồng; chi tiền mua xi măng là 7.000.000.000 đồng; chi tiền mua xe trộn bê tông là khoảng 5.000.000.000 đồng; chi tiền xây dựng trạm trộn khoảng 4.000.000.000 đồng; chi tiền mua nguyên liệu đầu vào như cát, đá, phụ gia khoảng 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản chi này không có căn cứ để chấp nhận.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã làm việc và thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản của các Công ty “ma” và tài khoản của Nguyễn Văn S tại các Ngân hàng. S tự nguyện giao nộp 09 sổ, thẻ gửi tiền tiết kiệm có tổng giá trị

tiền gửi đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.218.511.000 đồng. Tại thời điểm phong tỏa, tổng số tiền có trong các tài khoản là 13.142.170.950 đồng.

Qua điều tra phát hiện: Từ năm 2017 đến cuối năm 2018, thông qua các mối quan hệ xã hội, Bùi Việt A đã dùng các Công ty của S bán trái phép 40 số hóa đơn cho Bùi Thị V2, kế toán Công ty Thịnh Phát với giá 05% tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn. Từ cuối năm 2018, V2 nghỉ việc ở Công ty Thịnh Phát và giới thiệu để Việt A tiếp tục bán trái phép 38 số hóa đơn cho Nguyễn Thanh T7 (Phó giám đốc phụ trách kế toán Công ty Thịnh Phát). Ngoài bán hóa đơn cho Công ty Thịnh Phát. Bùi Việt A còn bán cho V2 09 số hóa đơn không ghi tên khách hàng là Công ty Minh Thoan, tổng tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn là 5.145.811.527 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thanh T7 khai nhận: T7 là Phó Giám đốc Công ty Thịnh Phát. Năm 2017, Công ty Thịnh Phát đang thi công một số công trình ở nhiều địa phương, để giảm chi phí, Công ty Thịnh Phát đã thuê nhân công, máy móc, sử dụng dịch vụ của những cá nhân, tổ chức không có hóa đơn. Do đó, T7 tìm cách mua hóa đơn trái phép để hợp thức hóa đầu vào. Ban đầu, T7 lo sợ trách nhiệm nên giao việc mua hóa đơn cho bị can Bùi Thị V2 chủ động thực hiện. V2 đã mua trái phép hóa của Bùi Việt A 40 số hóa đơn GTGT không kèm hàng hóa, dịch vụ. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay, do V2 nghỉ việc nên T7 trực tiếp giao dịch mua trái phép 38 số hóa đơn của Bùi Việt A. T7 không được hưởng lợi gì từ việc mua trái phép hóa đơn.

Bùi Thị V2 khai nhận phù hợp với lời khai của Bùi Việt A và Nguyễn Thanh T7. Ngoài mua hóa đơn cho Công ty Thịnh Phát nêu trên, Bùi Thị V2 còn mua 09 số hóa đơn không kèm hàng hóa của Bùi Việt A để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty cổ phần xây dựng Minh Thoan tổng tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn là 5.145.811.527 đồng; V2 đã mua 01 số hóa đơn cho Công ty thi công cơ giới - Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1. V2 không được hưởng lợi gì từ việc mua trái phép hóa đơn.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh T7 và Bùi Thị V2 về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Khám xét nơi làm việc của bị can Bùi Thị V2 tại Công ty Cổ phần xây dựng Minh Thoan thu giữ: 01 cây CPU máy tính (đã qua sử dụng); 10 số hóa đơn GTGT; Khám xét nơi làm việc của bị can Nguyễn Thanh T7 tại tầng 3 nhà số 107 C, N4, H8 thu giữ: 01 cây CPU máy tính (đã qua sử dụng);

Quá trình điều tra còn xác định được: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tân Tiến (Công ty Tân Tiến) mua trái phép và sử dụng 15 số hóa đơn từ các công ty do S thành lập để kê khai hợp thức hóa đầu vào nhằm mục đích trốn thuế GTGT.

Theo Kết luận giám định ngày 31/3/2021 của Cục Thuế thành phố H, số tiền Công ty Tân Tiến trốn thuế là 276.749.200 đồng. Do đó, ngày 13/01/2021, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố các bị can để điều tra xử lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 203, khoản 3 Điều 200; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 (đối với tội “Trốn thuế”); Điều 38; Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 36 (Ba sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” và 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Tổng hợp chung cho cả 02 tội là 54 (Năm tư) tháng tù và tổng hợp với Bản án số 42/2014/HSPT ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyên giam. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 Bản án là 72 (Bảy hai) tháng tù.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- *Về thu lợi bất chính:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 46.768.102.308 (Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm linh tám) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 134.000.000 (Một trăm ba mươi tư triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đối với 09 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 10.218.511.000 đồng thu giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (*tại thời điểm xét xử*): cần trả lại cho Cục Thuế H số tiền bị cáo Nguyễn Văn S trốn thuế là 1.232.375.860 đồng để sung Ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại là 8.986.135.040 đồng sung Ngân sách Nhà nước cụ thể như sau: 05 sổ tiết kiệm, người gửi tiền Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, mã KH 720000860, số tiền gửi: 01 tỷ đồng, số sổ gồm: KA 0258740, KA 0258741, KA 0258188 KA 0258189, KA 0258194 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á; 02 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, chủ sở hữu Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, số tiền gửi: 01 tỷ đồng, số thẻ gồm: FP 85126 (Số TK 310585719), FP 85127 (Số TK 310586259) Ngân hàng TMCP Á Châu; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, chủ sở hữu Nguyễn Văn S, CMND: 031193861, số tiền gửi: 1.008.511.000 đồng, số thẻ: AH 823748 Ngân hàng TMCP Kiên Long; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, Tên khách hàng:

Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, số tiền gửi: 02,21 tỷ đồng, số thẻ: TK 0017481 Ngân hàng liên doanh Việt - Nga của bị cáo Nguyễn Văn S.

- Hủy bỏ các Lệnh phong tỏa và Công văn đề nghị phong tỏa để tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 2.762.482.893 (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm chín mươi ba) đồng cụ thể:

Tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh H số tài khoản 10004869518 theo Công văn số 1445/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tiền 267.951 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh H theo Lệnh phong tỏa số 17/LPT-PC03 ngày 06/10/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 111002653391 số tiền 37.996.914 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh H theo Công văn số 1444/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 13400330999 số tiền 523.258 đồng.

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh H theo Công văn số 1447/CV-PC03 (Đ6) ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 2100201342401 số tiền: 563.700 đồng.

Tại Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga - Chi nhánh H theo Lệnh phong tỏa số 16/LPT-PC03 ngày 06/10/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 350310001220089 số tiền: 103.353.336 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP ACB - Chi nhánh H theo Công văn số 1449/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 618181888 số tiền: 189.776 đồng và số tài khoản 198019818888 số tiền 5.113.863 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh H theo Công văn số 1441/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 7205000003789000 số tiền: 1.221.023 đồng.

Tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông H theo Công văn số 1460/CV-PC03 ngày 24/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản gồm 32310000170331 số tiền 7.157.599 đồng; số tài khoản 32310000350285 số tiền 2.564.373 đồng; số tài khoản 32310000111695 số tiền 599.553 đồng; số TK: 32310000130061 số tiền 738.094 đồng; số TK: 32310000116469 số tiền 881.241 đồng; số TK 32310000110683 số tiền 678.514 đồng; số TK: 32310000102079 số tiền 1.782.409 đồng; số TK 32310000274011 số tiền 552.351.901 đồng; số TK 32310000176241 số tiền 1.508.469.828 đồng; số TK 32310000292776 số tiền 457.464.106 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Kiên An theo Công văn số 1684/CV-PC03 ngày 27/8/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 1188888888 số tiền 71.074.537 đồng.

Tại Ngân hàng SHB - Chi nhánh H theo Công văn số 1434/CV-PC03 ngày 20/7/2020 của Công an thành phố H số TK: 1006671076 số tiền 503.932 đồng và số TK 1007285458 số tiền 438.620 đồng; số TK 1004288050 số tiền 649.266 đồng; số TK 1004760057 số tiền 11.477 đồng; số TK 1003980935 số tiền 13.139 đồng; số TK: 1001449656 số tiền 840.890 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP MB Bank - Chi nhánh Kiên An theo Công văn số 1448/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 2631101324009 số tiền 1.937.067 đồng.

Tại Ngân hàng PG Bank - Chi nhánh H theo Công văn số 16/CV- PC03 ngày 05/01/2021 của Công an thành phố H số TK 2097040152751 số tiền 1.788.500 đồng.

- *Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:* Đối với 03 số tiết kiệm gồm: số 34101010919450 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải số tiền 2.877.300 (Hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm) đồng; số 1006015205 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số tiền 286.290 (Hai trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi) đồng; số 350510000411981 tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga số tiền 144.436 (một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu) đồng. Tổng số tiền 3.308.026 (ba triệu ba trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác; kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của các doanh nghiệp và đối tượng Nguyễn Mạnh H4 liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn của bị cáo Nguyễn Văn S; tuyên tịch thu tiêu hủy và tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các đồ vật tài liệu khác liên quan đến vụ án theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố H; tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét phần giá trị thiệt hại bị cáo còn phải tiếp tục khắc phục cho Nhà nước do hành vi “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng: Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” và tội “Trốn thuế” là đúng.

Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” là nặng vì: Quá trình điều tra vụ án, bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và đã tự nguyện nộp 09 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 10.218.511.000 đồng (tại thời điểm xét xử sơ thẩm) và tiền duy trì tài khoản của cá nhân bị cáo là 3.308.026 đồng để khắc phục hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 22.275.000 đồng và phong tỏa các tài khoản của Công ty có giá trị 2.759.174.868 đồng. Như vậy, tổng số tiền cơ quan điều tra thu giữ và bị cáo tự nguyện giao nộp là 13.003.268.894 đồng (Mười ba tỷ không trăm lẻ ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín tư đồng). Tòa án sơ thẩm tuyên trả lại cho Cục Thuế H số tiền bị cáo trốn thuế là 1.232.375.860 đồng nhưng xác định bị cáo phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 46.768.102.308 (Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm linh tám) đồng để sung ngân sách Nhà nước là đánh giá không đúng mức độ khắc phục hậu quả của bị cáo;

Số tiền thu được từ hành vi phạm tội bị cáo đã chi lương cho các nhân viên khác (trong thời gian khoảng 72 tháng, trung bình mỗi người nhận 8.000.000 đồng/01 tháng); chi tiền thuê Giám đốc, mua công ty 500.000.000 đồng; chi tiền thuê các trụ sở 2.000.000.000 đồng; chi tiền mua xi măng là 7.000.000.000 đồng; chi tiền mua xe trộn bê tông là khoảng 5.000.000.000 đồng; chi tiền xây dựng trạm trộn khoảng 4.000.000.000 đồng; chi tiền mua nguyên liệu đầu vào như cát, đá, phụ gia khoảng 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản chi này không được cơ quan tố tụng làm rõ để trích trừ cho bị cáo là không thỏa đáng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiếp 40.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước (Biên lai thu số 0000679 ngày 14/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H), đã tự giác thi hành xong hình phạt bổ sung 30.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Biên lai thu số 0000344 ngày 06/6/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H); bị cáo là con em gia đình có công cách mạng có bác ruột Nguyễn Văn C1 là Liệt sỹ, bác ruột Nguyễn Đức N5 và chú ruột Nguyễn Văn T8 đều là thương binh; bị cáo mới cưới vợ và hiện có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được Tòa án vận dụng, đánh giá nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án:

Đối với kháng cáo đề nghị trích trừ các khoản chi lương cho các nhân viên khác trong thời gian khoảng 72 tháng, chi tiền thuê Giám đốc, mua công ty; thuê các trụ sở; mua xi măng; mua xe trộn bê tông; xây dựng trạm trộn và mua nguyên

liệu đầu vào của bị cáo Nguyễn Văn S không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo đề nghị xem xét đánh giá mức độ khắc phục hậu quả của bị cáo thì thấy:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã làm việc và thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản của các Công ty “ma”, phong tỏa tài khoản của Nguyễn Văn S tại các Ngân hàng và bị cáo tự nguyện giao nộp 09 sổ tiết kiệm. Trong đó:

Đối với 09 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 10.218.511.000 đồng (tại thời điểm xét xử); thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S 03 sổ tiết kiệm có tổng số tiền 3.308.026 đồng (Chính là số tiền duy trì các tài khoản cá nhân của Nguyễn Văn S); phong tỏa số tiền tại các tài khoản ngân hàng của các Công ty liên quan đến hành vi phạm tội mua bán hóa đơn số tiền 2.759.174.867 đồng (gồm: Tiền khách hàng mua bán trái phép hóa đơn chuyển vào 2.518.285.835 đồng và tiền duy trì tài khoản 12.586.186 đồng); Tổng số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S là 13.003.268.894 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định tại thời điểm phong tỏa, tổng số tiền có trong tài khoản là 13.142.170.950 đồng là chưa chính xác.

Các khoản tiền trên cần được khấu trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án sơ thẩm trừ 1.232.375.860 đồng (*Một tỉ hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi đồng*) khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi trốn thuế của bị cáo S nên số tiền bị thu giữ còn lại là 11.770.893.034 đồng (*Mười một tỉ bảy trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn không trăm ba mươi tư đồng*).

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính bị cáo còn phải nộp để sung ngân sách Nhà nước là 55.754.237.348 đồng (thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép tổng số 13.511 số hóa đơn GTGT) – 11.770.893.034 đồng = 43.983.344.314 đồng (*Bốn mươi ba tỷ chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi tư đồng*).

Việc Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 46.768.102.308 (*Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm linh tám*) đồng để sung ngân sách Nhà nước là đánh giá không đúng mức độ khắc phục hậu quả của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét khấu trừ thêm số tiền 2.785.757.994 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tư đồng*) vào tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Văn S còn phải nộp.

Bị cáo S đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi trốn thuế nên Tòa án sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét xử phạt bị cáo 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế” là phù hợp.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” thì thấy: Như đã phân tích, Tòa án sơ thẩm đánh giá không đúng mức độ khắc phục hậu quả của bị cáo, tính toán xác định thiếu số tiền 2.785.757.994 đồng bị cáo Nguyễn Văn S đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi mua bán trái phép hóa đơn chứng từ gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiếp 40.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước (Biên lai thu số 0000679 ngày 14/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H), khắc phục thêm một phần hậu quả; đã tự giác thi hành xong hình phạt bổ sung 30.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Biên lai thu số 0000344 ngày 06/6/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H); cung cấp bản sao Bảng Tổ quốc ghi công bác ruột bị cáo là Nguyễn Văn C1, giấy xác nhận bác ruột Nguyễn Đức N5 và chú ruột Nguyễn Văn T8 đều là thương binh; bị cáo mới cưới vợ và hiện có con còn nhỏ sinh ngày 14/10/2021. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được Tòa án sơ thẩm đánh giá nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho Nguyễn Văn S.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S; áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa phần xác định thu lợi bất chính còn phải khắc phục; sửa phần hình phạt và phần xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể: Sửa hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S tại Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”; giảm hình phạt cho bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” và Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, luận cứ bào chữa của luật sư và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc

thẩm. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý, giải quyết kháng cáo của bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Từ cuối năm 2013 đến ngày 09/7/2020, Nguyễn Văn S đã thành lập và sử dụng 15 Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) với giá khoảng 3% doanh số không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT). Bị cáo Súc đã tuyển dụng Nguyễn Thị L1, Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Kim O, Bùi Việt A, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thị Q giúp S cho hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính.

Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn S đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 13.511 số hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống hàng hóa trên hóa đơn chưa thuế thu lời bất chính số tiền 55.754.237.348 đồng và gây thiệt hại về thuế do bị cáo bán hóa đơn chứng từ khống cho Công ty Tân Tiến để công ty trốn thuế số tiền 276.749.200 đồng. Ngoài ra bị cáo còn có hành vi thành lập trạm trộn bê tông của Công ty Suvinco xuất bán bê tông không kê khai, không xuất hóa đơn nhằm không phải nộp thuế, làm thiếu số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước là 1.232.375.860 đồng.

Tòa án sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước” theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 và tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án nêu trên về tội “Trốn thuế” là phù hợp nên không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội này. Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo S đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi trốn thuế nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết.

[4] *Đối với kháng cáo đề nghị xem xét đánh giá mức độ khắc phục hậu quả của bị cáo thì thấy:*

[4.1] Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khám xét ngày 09/7/2020 thu giữ số tiền 22.275.000 đồng và thu của bị cáo Nguyễn Văn S:

- 03 (Ba) sổ tiết kiệm số 34101010919450 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải số tiền 2.877.300 đồng; số 1006015205 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số 286.290 đồng; số 350510000411981 tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga số tiền 144.436 đồng. Tổng số tiền 3.308.026 đồng.

- Phong tỏa các tài khoản các Công ty của bị cáo Nguyễn Văn S liên quan đến hành vi phạm tội mua bán hóa đơn số tiền 2.759.174.867 đồng (Trong đó,

12.586.186 đồng duy trì các tài khoản và 2.518.285.835 đồng khách hàng chuyển vào tài khoản).

- Phong tỏa tài khoản của 09 sổ tiết kiệm bị cáo tự nguyện nộp với tổng số tiền là 10.221.819.026 đồng (Trong đó: 3.308.026 đồng duy trì tài khoản và 10.218.511.000 đồng tiền gửi và lãi phát sinh (tại thời điểm xét xử sơ thẩm)).

Tổng số tiền Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thu giữ và phong tỏa tài khoản cá nhân bị cáo Nguyễn Văn S và các công ty của bị cáo là 13.003.268.894 đồng (*Mười ba tỷ ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín tư đồng*).

[4.2] Các hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn S và đồng bọn đã gây ra thiệt hại 1.232.375.860 đồng về tội “Trốn thuế” và 55.754.237.348 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước”.

Tòa án sơ thẩm đã trích trừ 1.232.375.860 đồng để khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi trốn thuế của bị cáo gây ra. Như vậy, số tiền thu giữ và phong tỏa tài khoản cá nhân bị cáo Nguyễn Văn S và các công ty của bị cáo còn lại là 13.003.268.894 đồng - 1.232.375.860 đồng = 11.770.993.034 đồng (*Mười một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn không trăm ba tư đồng*).

[4.3] Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép tổng số 13.511 số hóa đơn GTGT là 55.754.237.348 đồng và cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền thu giữ và phong tỏa tài khoản của bị cáo. Theo đó, toàn bộ số tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thu giữ và phong tỏa tài khoản các công ty và của cá nhân bị cáo Nguyễn Văn S còn lại là 11.770.993.034 đồng được trừ vào số tiền bị cáo phải nộp Ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả của tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Như vậy, số tiền bị cáo còn phải nộp Ngân sách Nhà nước là 55.754.237.348 đồng - 11.770.993.034 đồng = 43.983.280.314 đồng (*Bốn mươi ba tỷ chín trăm bốn ba triệu hai trăm tám mươi ngàn ba trăm mười bốn đồng*). Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo S còn phải nộp 46.768.102.308 đồng khắc phục hậu quả của tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước” là xác định thiếu 2.784.821.994 đồng (*tức 46.768.102.308 đồng - 43.983.280.314 đồng*). Do đó, kháng cáo của Nguyễn Văn S đề nghị xem xét khấu trừ số tiền 2.785.757.994 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy năm mươi bảy nghìn chín trăm chín tư đồng*) vào tiền thu lợi bất chính mà bị cáo S còn phải nộp là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4.4] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiếp 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tại Biên lai thu số 0000679 ngày 14/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H nên số tiền bị cáo còn phải nộp để sung ngân sách Nhà nước là 43.983.280.314 đồng - (2.784.821.994 đồng + 40.000.000 đồng = 43.943.280.314

đồng (*Bốn mươi ba tỷ chín trăm bốn ba triệu hai trăm tám mươi ngàn ba trăm mười bốn đồng*).

[5] Đối với các khoản chi lương cho các nhân viên khác; chi tiền thuê Giám đốc, tiền mua công ty; chi tiền thuê các trụ sở; chi tiền mua nguyên liệu đầu vào, tiền mua xe trộn bê tông, tiền xây dựng trạm trộn bê tông là các khoản chi phí để thực hiện tội phạm nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S đề nghị trích trừ các khoản chi này vào số tiền bị cáo còn phải khắc phục nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” thì thấy: Như đã phân tích, Tòa án sơ thẩm xác định thiếu số tiền 2.785.757.994 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy năm mươi bảy nghìn chín trăm chín tư đồng*) bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp. Việc Tòa án sơ thẩm xem xét, đánh giá không chính xác mức độ khắc phục hậu quả đã gây bất lợi cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S đã tiếp tục nộp tiền 40.000.000 đồng khắc phục thêm một phần hậu quả; đã tự giác thi hành xong hình phạt bổ sung 30.000.000 đồng và **200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Biên lai thu số 0000344 ngày 06/6/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H)**; cung cấp bản sao Bằng Tổ quốc ghi công bác ruột bị cáo là Nguyễn Văn C1, giấy xác nhận bác ruột Nguyễn Đức N5 và chú ruột Nguyễn Văn T8 đều là thương binh; bị cáo mới cưới vợ và hiện có con còn nhỏ sinh ngày 14/10/2021. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự chưa được Tòa án sơ thẩm đánh giá nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn S như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[7] Mặt khác, phần quyết định của bản án sơ thẩm không đúng về cách tuyên nên cũng cần thiết phải sửa để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S. Áp dụng Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự; sửa phần xác định số tiền thu lợi bất chính bị cáo Nguyễn Văn S còn phải khắc phục; sửa phần hình phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” đối với bị cáo Nguyễn Văn S, tổng hợp hình phạt và phần xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn S được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S; sửa phần xác định số tiền thu lợi bất chính bị cáo Nguyễn Văn S còn phải khắc phục; sửa phần hình phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” đối với bị cáo Nguyễn Văn S, tổng hợp hình phạt và phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Nguyễn Văn S tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H như sau:

1.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” và tội “Trốn thuế”.

Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 203, khoản 3 Điều 200; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 (đối với tội “Trốn thuế”); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” và 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Tổng hợp chung cho cả 02 tội bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

1.2. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp với Bản án số 42/2014/HSPT ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyên giam. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 Bản án là 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thì hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/7/2020 chuyển tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến ngày 04/12/2020;

1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 203; khoản 2 Điều 32 Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong hình phạt bổ sung 30.000.000 đồng và **200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Biên lai thu số 0000344 ngày 06/6/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H).**

1.4. Về thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 43.943.280.314 đồng (*Bốn mươi ba tỷ chín trăm bốn ba triệu hai trăm tám mươi*

ngàn ba trăm mười bốn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

1.5. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1.4.1. Số tiền 10.218.511.000 đồng (*Mười tỷ hai trăm mười tám triệu ăm trăm mười một nghìn đồng*) thu giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (trị giá tại thời điểm xét xử sơ thẩm) tại 09 sổ tiết kiệm, gồm: 05 sổ tiết kiệm, người gửi tiền Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, mã KH 720000860, số tiền gửi: 01 tỷ đồng, số sổ gồm: KA 0258740, KA 0258741, KA 0258188, KA 0258189, KA 0258194 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á; 02 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, chủ sở hữu Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, số tiền gửi: 01 tỷ đồng, số thẻ gồm: FP 85126 (Số TK 310585719), FP 85127 (Số TK 310586259) Ngân hàng TMCP Á Châu; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, chủ sở hữu Nguyễn Văn S, CMND: 031193861, số tiền gửi: 1.008.511.000 đồng, số thẻ: AH 823748 Ngân hàng TMCP Kiên Long; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, Tên khách hàng: Nguyễn Văn S, CMND: 031081004521, số tiền gửi: **02,21 tỷ** đồng, số thẻ: TK 0017481 Ngân hàng liên doanh Việt - Nga của bị cáo Nguyễn Văn S được xử lý:

- Trả cho Cục Thuế H số tiền bị cáo Nguyễn Văn S trốn thuế là 1.232.375.860 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền còn lại là 8.986.135.040 đồng (*Tám tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng*) sung Ngân sách Nhà nước để khắc phục về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”.

1.4.2. Hủy bỏ các Lệnh phong tỏa và Công văn đề nghị phong tỏa của Công an thành phố H đối với số tiền 2.762.482.893 đồng (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*) sung Ngân sách nhà nước để khắc phục về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Cụ thể:

Tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh H số tài khoản 10004869518 theo Công văn số 1445/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tiền 267.951 đồng (*Hai trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi một đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh H theo Lệnh phong tỏa số 17/LPT-PC03 ngày 06/10/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 111002653391 số tiền 37.996.914 đồng (*Ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh H theo Công văn số 1444/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 13400330999 số tiền 523.258 đồng (*Năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm năm tám đồng*).

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh H theo Công văn số 1447/CV-PC03 (Đ6) ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 2100201342401 số tiền: 563.700 đồng (*Năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng*).

Tại Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga - Chi nhánh H theo Lệnh phong tỏa số 16/LPT-PC03 ngày 06/10/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 350310001220089 số tiền: 103.353.336 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba sáu đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP ACB - Chi nhánh H theo Công văn số 1449/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 618181888 số tiền: 189.776 đồng và số tài khoản 198019818888 số tiền 5.113.863 đồng (*Năm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm sáu ba đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh H theo Công văn số 1441/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 7205000003789000 số tiền: 1.221.023 đồng (*Một triệu hai trăm hai một nghìn không trăm hai ba đồng*).

Tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông H theo Công văn số 1460/CV-PC03 ngày 24/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản gồm 32310000170331 số tiền 7.157.599 đồng (*Bảy triệu một trăm năm bảy nghìn năm trăm chín chín đồng*); số tài khoản 32310000350285 số tiền 2.564.373 đồng (*Hai triệu năm trăm sáu tư nghìn ba trăm bảy ba đồng*); số tài khoản 32310000111695 số tiền 599.553 đồng (*Năm trăm chín chín nghìn năm trăm năm ba đồng*); số TK: 32310000130061 số tiền 738.094 đồng (*Bảy trăm ba tám nghìn không trăm chín tư đồng*); số TK: 32310000116469 số tiền 881.241 đồng (*Tám trăm tám một nghìn hai trăm bốn một đồng*); số TK 32310000110683 số tiền 678.514 đồng (*Sáu trăm bảy tám nghìn năm trăm mười bốn đồng*); số TK: 32310000102079 số tiền 1.782.409 đồng (*Một triệu bảy trăm tám hai nghìn bốn trăm lẻ chín đồng*); số TK 32310000274011 số tiền 552.351.901 đồng (*Năm trăm năm mươi hai triệu ba trăm năm một nghìn chín trăm lẻ một đồng*); số TK 32310000176241 số tiền 1.508.469.828 đồng (*Một tỷ năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu chín nghìn tám trăm hai tám đồng*); số TK 32310000292776 số tiền 457.464.106 đồng (*Bốn trăm năm bảy triệu bốn trăm sáu bốn nghìn một trăm lẻ sáu đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Kiên An theo Công văn số 1684/CV-PC03 ngày 27/8/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 1188888888

số tiền 71.074.537 đồng (*Bảy mươi một triệu không trăm bảy tư nghìn năm trăm ba bảy đồng*).

Tại Ngân hàng SHB - Chi nhánh H theo Công văn số 1434/CV-PC03 ngày 20/7/2020 của Công an thành phố H số TK: 1006671076 số tiền 503.932 đồng (*Năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba hai đồng*) và số TK 1007285458 số tiền 438.620 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng*); số TK 1004288050 số tiền 649.266 đồng (*Sáu trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm sáu sáu đồng*); số TK 1004760057 số tiền 11.477 đồng (*Mười một nghìn bốn trăm bảy bảy đồng*); số TK 1003980935 số tiền 13.139 đồng (*Mười ba nghìn một trăm ba chín đồng*); số TK: 1001449656 số tiền 840.890 đồng (*Tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng*).

Tại Ngân hàng TMCP MB Bank - Chi nhánh Kiến An theo Công văn số 1448/CV-PC03 ngày 22/7/2020 của Công an thành phố H số tài khoản 2631101324009 số tiền 1.937.067 đồng (*Một triệu chín trăm ba bảy nghìn không trăm sáu bảy đồng*).

Tại Ngân hàng PG Bank - Chi nhánh H theo Công văn số 16/CV- PC03 ngày 05/01/2021 của Công an thành phố H số TK 2097040152751 số tiền 1.788.500 đồng (*Một triệu bảy trăm tám tám nghìn năm trăm đồng*).

1.4.3. Số tiền 3.308.026 (*Ba triệu ba trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi sáu*) đồng tại 03 sổ tiết kiệm sung Ngân sách nhà nước để khắc phục về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Cụ thể: sổ tiết kiệm số 34101010919450 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải số tiền 2.877.300 (*Hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm*) đồng; sổ tiết kiệm số 1006015205 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số tiền 286.290 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi đồng*); sổ tiết kiệm số 350510000411981 tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga số tiền 144.436 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng*).

1.4.4. Số tiền 22.275.000 đồng (*Hai hai triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng*) thu giữ tại Biên bản khám xét ngày 09/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H sung Ngân sách nhà nước để khắc phục về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.